



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT CAO BẰNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASCO

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 23
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng
K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 4800103442 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Mông Thị Lan	Giám đốc
Bà: Nguyễn Kim Phụng	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Lý Tăng Thái	Kiểm soát viên không chuyên trách
-------------------	-----------------------------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng
K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo thông tư 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Chế độ kế toán đặc thù theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ban hành ngày 19 tháng 08 năm 2009 về Hướng dẫn kế toán áp dụng với Công ty Xổ số kiến thiết và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc,

Mông Thị Lan
Giám đốc

Cao Bằng, ngày 24 tháng 02 năm 2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASCO

A : Tòa nhà ASCO, Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội
T : 0243 793 0960 - F: 0243 793 1349 - E: asco@asco.vn - W: www.asco.vn

Số: /2020/ASCO/BCTC-NV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng được lập ngày 24 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi không thực hiện được thủ tục tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với giá trị là 1.491.066.534 VND. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế. Do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến tiền mặt và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty hay không;
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty chưa thu thập đầy đủ Thư xác nhận công nợ Phải trả người bán với giá trị 1.135.096.927 đồng. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết nào để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của các khoản công nợ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Tại thời điểm công bố báo cáo kiểm toán, đơn vị chưa thực hiện Quyết toán quỹ lương năm 2019 với Sở Tài chính. Do đó, kết quả kinh doanh của Công ty có thể bị thay đổi khi quyết toán quỹ lương được duyệt có sự khác biệt với số liệu ghi nhận trên Báo cáo tài chính của đơn vị

Công ty TNHH Kiểm toán ASCO



Nguyễn Ngọc Tuyền
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1629-2018-149-1
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Vũ Thị Tâm
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3316-2020-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		34.542.026.861	29.564.184.857
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	6.052.212.403	2.777.085.543
111	1. Tiền		6.052.212.403	2.777.085.543
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	27.500.000.000	25.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		27.500.000.000	25.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		704.986.399	1.041.739.467
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	71.230.912	67.230.912
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		2.196.268	2.196.268
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	831.981.523	1.172.734.591
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(200.422.304)	(200.422.304)
140	IV. Hàng tồn kho	08	271.986.839	245.359.847
141	1. Hàng tồn kho		271.986.839	245.359.847
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.841.220	-
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		12.841.220	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.820.467.108	35.626.850.310
220	I. Tài sản cố định		33.383.642.887	34.538.974.299
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	33.383.642.887	34.538.974.299
222	- Nguyên giá		38.997.895.753	38.911.455.753
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.614.252.866)	(4.372.481.454)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		194.060.000	194.060.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(194.060.000)	(194.060.000)
260	II. Tài sản dài hạn khác		436.824.221	1.087.876.011
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	436.824.221	1.087.876.011
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		68.362.493.969	65.191.035.167

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng
K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang
Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng


Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.182.436.449	5.144.256.445
310	I. Nợ ngắn hạn		4.494.930.949	4.542.250.945
312	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.273.476.927	1.345.597.228
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.263.798.317	1.263.222.778
315	3. Phải trả người lao động		844.016.539	965.658.328
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	14	4.192.211	1.275.517
321	5. Dự phòng rủi ro trả thưởng		417.863.078	417.863.078
323	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		691.583.877	548.634.016
330	II. Nợ dài hạn		687.505.500	602.005.500
333	1. Phải trả dài hạn khác	14	687.505.500	602.005.500
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		63.180.057.520	60.046.778.722
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	63.180.057.520	60.046.778.722
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		58.975.680.721	55.975.680.721
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.204.376.799	4.071.098.001
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		68.362.493.969	65.191.035.167

Cao Bằng, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Kim Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Phượng

Giám đốc



Mông Thị Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2019

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
01	1. Doanh thu	16	69.491.559.872	65.104.369.083
	Doanh thu bán xổ số		69.322.020.918	64.990.278.174
	Doanh thu xổ số truyền thống		3.253.845.452	3.088.581.817
	Doanh thu xổ số bốc		815.570.909	545.338.182
	Doanh thu xổ số lô tô		57.143.986.363	53.569.394.541
	Doanh thu xổ số lô tô cặp		8.108.618.194	7.786.963.634
	Doanh thu khác		169.538.954	114.090.909
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	9.042.002.741	8.476.992.819
	Thuế TTEB		9.042.002.741	8.476.992.819
10	3. Doanh thu thuần		60.449.557.131	56.627.376.264
11	4. Chi phí kinh doanh	18	52.631.704.451	48.929.359.523
	Chi phí trả thưởng		42.138.067.861	40.062.348.529
	Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		9.493.636.590	8.867.010.994
20	5. Lợi nhuận gộp		7.817.852.680	7.698.016.741
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.332.831.930	1.638.749.579
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	8.734.418.529	8.902.218.408
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		416.266.081	434.547.912
31	11. Thu nhập khác	21	141.378.100	145.658.756
32	12. Chi phí khác	22	1.852.686	32.455.695
40	13. Lợi nhuận khác		139.525.414	113.203.061
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		555.791.495	547.750.973
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	111.528.836	134.252.482
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		444.262.659	413.498.491

Cao Bằng, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Kim Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Phượng

Giám đốc



Mông Thị Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2019
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu		55.459.617.684	53.342.470.031
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(34.203.631.799)	(38.124.974.108)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.319.082.201)	(3.328.575.451)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(115.774.734)	(135.968.531)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		687.631.533	339.761.814
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.814.566.553)	(15.915.232.734)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		694.193.930	(3.822.518.979)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(86.440.000)	(161.360.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(29.500.000.000)	(28.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		27.500.000.000	26.565.902.778
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.667.372.930	1.675.558.579
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(419.067.070)	(419.898.643)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000	1.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.000.000.000	1.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.275.126.860	(3.242.417.622)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.777.085.543	6.019.503.165
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		<u>6.052.212.403</u>	<u>2.777.085.543</u>

Cao Bằng, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Kim Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Kim Phượng

Giám đốc



Mông Thị Lan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ, được thành lập theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 4800103442 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Hoạt động xổ số. Chi tiết: Phát hành các loại hình xổ số: Xổ số truyền thống, xổ số mục tiêu, xổ số bốc, xổ số cào, xổ số lô tô và các loại hình vui chơi có thưởng;
- Cho thuê xe có động cơ (Dịch vụ cho thuê xe du lịch);
- Cho thuê Văn phòng hội trường ki ốt kinh doanh du lịch trong và ngoài nước;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh các loại hình xổ số: Xổ số truyền thống, xổ số mục tiêu, xổ số bốc, xổ số lô tô.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày trên cơ sở kế toán dồn tích (Trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền)

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. (Riêng đối với vé xổ số truyền thống được tính theo phương pháp đích danh do đặc thù vé này có ngày thể hiện trên từng vé đã in sẵn).

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	05 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Công ty trích lập Dự phòng rủi ro trả thưởng theo hướng dẫn tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về "Quy định một số đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động với doanh nghiệp kinh doanh xổ số"

Theo hướng dẫn tại Nghị định này, Công ty đã được xét trích lập dự phòng trả thưởng đối với các loại hình xổ số truyền thống, xổ số lô tô, xổ số cao và xổ số bốc. Nếu trong kỳ trích lập, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng (đối với xổ số truyền thống là 50%, xổ số cao và bốc là 55%) hoặc tỷ lệ trả thưởng kế hoạch (đối với xổ số lô tô là 60%).

Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức:

Dự phòng rủi ro trả thưởng = (Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập X Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số) - Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp.

Mức trích lập phải đảm bảo tổng số dự quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ.

Công ty sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dự quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Quy chế tài chính và Quy định về phân phối lợi nhuận tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: thuế Tiêu thụ đặc biệt. (Theo Quy định tại Thông tư 168/2009/TT-BTC Về Hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty Xổ số Kiến thiết).

2.15. Chi phí trả thưởng và Chi phí trực tiếp phát hành xổ số

Chi phí trả thưởng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp phát sinh chi phí trả thưởng trong năm:

- Chi phí trả thưởng do công ty trả thưởng trực tiếp;
- Chi phí trả thưởng qua đại lý được uỷ quyền
- Chi phí trả thưởng các giải thưởng của vé xổ số liên kết nhận phần bỏ theo quy định của Hội đồng xổ số liên kết;

Chi phí trực tiếp phát hành xổ số trong năm được ghi nhận phù hợp với thực tế phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các nội dung chi phí trực tiếp phát hành xổ số trong năm:

- Chi phí cho các đại lý;
- Chi phí quay số mở thưởng, giám sát;
- Chi phí chống số đề;
- Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng;
- Chi phí vé xổ số;
- Chi phí thông tin kết quả mở thưởng;
- Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực;
- Chi phí trực tiếp phát hành khác.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.491.066.534	1.936.172.637
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.561.145.869	840.912.906
	<u>6.052.212.403</u>	<u>2.777.085.543</u>

4. CÁC KHOẢN NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	27.500.000.000		25.000.000.000	-
	27.500.000.000	-	25.000.000.000	-

(i) Bao gồm các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,4-6,9%/năm tại các Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt; Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Mai Văn Bi	29.000.000	29.000.000	29.000.000	29.000.000
- Vi Ngọc Dương	18.655.500	18.655.500	18.655.500	18.655.500
- Các khoản phải thu khách hàng khác	23.575.412	17.614.582	19.575.412	17.614.582
	71.230.912	65.270.082	67.230.912	65.270.082

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tạm ứng	3.336.000	3.336.000	3.336.000	3.336.000
- Lãi dự thu	192.000.000	-	526.541.000	-
- Thuế TNCN phải thu	188.806.812	-	193.682.646	-
- Lương phải thu lại người lao động	295.874.837	-	295.874.837	-
- Phải thu khác	151.963.874	131.816.222	153.300.108	131.816.222
	831.981.523	135.152.222	1.172.734.591	135.152.222

7. NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
+ <i>Phải thu khách hàng</i>				
Mai Văn Bì	65.270.082	-	65.270.082	-
Vi Ngọc Dương	29.000.000	-	29.000.000	-
Các đối tượng khác	18.655.500	-	18.655.500	-
	17.614.582	-	17.614.582	-
+ <i>Phải thu khác</i>				
Lê Thành Diệp (Công ty CP Xây dựng và Phát triển Hạ tầng)	135.152.222	-	135.152.222	-
Các đối tượng khác	107.693.000	-	107.693.000	-
	27.459.222	-	27.459.222	-
	200.422.304	-	200.422.304	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Vé xổ số	271.986.839	-	245.359.847	-
	271.986.839	-	245.359.847	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCD dùng trong quản lý	TSCD hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	34.219.045.001	833.998.634	2.129.901.027	623.406.091	1.105.105.000	38.911.455.753
- Mua trong năm	-	-	-	44.140.000	42.300.000	86.440.000
Số dư cuối năm	34.219.045.001	833.998.634	2.129.901.027	667.546.091	1.147.405.000	38.997.895.753
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.417.398.708	815.410.858	1.398.346.307	372.066.915	369.258.666	4.372.481.454
- Khấu hao trong năm	713.482.166	18.587.776	193.702.144	87.223.326	228.776.000	1.241.771.412
Số dư cuối năm	2.130.880.874	833.998.634	1.592.048.451	459.290.241	598.034.666	5.614.252.866
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	32.801.646.293	18.587.776	731.554.720	251.339.176	735.846.334	34.538.974.299
Tại ngày cuối năm	32.088.164.127	-	537.852.576	208.255.850	549.370.334	33.383.642.887

- Nguyên giá TSCD cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.561.546.025

11/12/2019

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	194.060.000	194.060.000
Số dư cuối năm	<u>194.060.000</u>	<u>194.060.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	194.060.000	194.060.000
Số dư cuối năm	<u>194.060.000</u>	<u>194.060.000</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí quá tặng	155.525.833	476.002.500
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	180.385.001	400.554.000
- Chi phí sửa chữa VP	79.250.834	165.706.288
- Các khoản khác	21.662.553	45.613.223
	<u>436.824.221</u>	<u>1.087.876.011</u>

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Trường Thịnh	823.154.000	823.154.000	823.154.000	823.154.000
- Công ty CP Tư vấn thiết kế thử nghiệm và Xây dựng Hồng Minh	165.509.000	165.509.000	165.509.000	165.509.000
- Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Hoà Bình	138.380.000	138.380.000	130.240.000	130.240.000
- Phải trả các đối tượng khác	146.433.927	146.433.927	226.694.228	226.694.228
	<u>1.273.476.927</u>	<u>1.273.476.927</u>	<u>1.345.597.228</u>	<u>1.345.597.228</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	362.545.343	6.820.590.366	6.744.727.698	438.408.011
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	719.845.850	9.042.002.741	9.040.895.928	720.952.663
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.212.401	111.528.836	115.774.734	1.966.503
- Thuế thu nhập cá nhân	95.880.223	28.581.587	36.374.115	88.087.695
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	227.470.000	227.470.000	-
- Các loại thuế khác	13.317.045	3.777.875	3.777.875	13.317.045
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	65.421.916	3.000.000	67.355.516	1.066.400
	1.263.222.778	16.236.951.405	16.236.375.866	1.263.798.317

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	431.000	431.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.761.211	844.517
	4.192.211	1.275.517
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	687.505.500	602.005.500
	687.505.500	602.005.500

(i) Khoản đặt cọc bằng tiền mặt của đại lý bán vé xổ số, theo đó mức đặt cọc đối với Tổng Đại lý là 10.000.000 VND và đối với Đại lý là 1.000.000 VND.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	54.975.680.721	4.030.737.008	-	59.006.417.729
Tăng vốn trong năm	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	412.432.091	412.432.091
Phân phối lợi nhuận	-	123.729.627	(412.432.091)	(288.702.464)
Điều chỉnh hồi tố	-	(83.368.634)	-	(83.368.634)
Số dư cuối năm trước	55.975.680.721	4.071.098.001	-	60.046.778.722
Số dư đầu năm nay	55.975.680.721	4.071.098.001	-	60.046.778.722
Tăng vốn trong năm nay (i)	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	444.262.659	444.262.659
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	133.278.798	(444.262.659)	(310.983.861)
Số dư cuối năm nay	58.975.680.721	4.204.376.799	-	63.180.057.520

(i) Theo Quyết định điều chỉnh vốn Điều lệ số 1942/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, số vốn điều lệ của công ty là 70 tỷ VND, số vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 63.180.057.520 VND, còn phải góp theo lộ trình đến năm 2021 là 6.819.942.480 VND.

(ii) Theo Quy định hiện hành về phân phối lợi nhuận của Công ty hành chính sự nghiệp, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		444.262.659
Trích Quỹ Đầu tư phát triển (30% Tổng LNST)	30%	133.278.798
Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,5 tháng lương thực hiện)		72.975.600
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động (3 tháng lương thực hiện)		238.008.261

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b) Các quỹ của Công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	4.204.376.799	4.071.098.001
	4.204.376.799	4.071.098.001

16. DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu xổ số	69.322.020.918	64.990.278.174
<i>Xổ số truyền thống</i>	3.253.845.452	3.088.581.817
<i>Xổ số bốc</i>	815.570.909	545.338.182
<i>Xổ số lô tô</i>	57.143.986.363	53.569.394.541
<i>Xổ số lô tô cặp</i>	8.108.618.194	7.786.963.634
Doanh thu khác	169.538.954	114.090.909
	69.491.559.872	65.104.369.083

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	9.042.002.741	8.476.992.819
	9.042.002.741	8.476.992.819

18. CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí trả thưởng	43.138.067.861	40.062.348.529
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	9.493.636.590	8.867.010.994
	52.631.704.451	48.929.359.523

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.332.831.930	1.638.749.579
	1.332.831.930	1.638.749.579

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	911.832.699	747.368.446
Chi phí nhân công	3.893.836.314	3.556.945.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.241.771.412	1.275.699.864
Thuế, phí, và lệ phí	234.247.875	234.247.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.452.730.229	3.087.957.141
	8.734.418.529	8.902.218.408

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ vé số lẻ Đại lý không trả lại	141.378.100	145.658.756
	141.378.100	145.658.756

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí phạt chậm nộp thuế	1.852.686	32.455.695
	1.852.686	32.455.695

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	555.791.495	547.750.973
Các khoản điều chỉnh tăng	1.852.685	123.511.435
- Chi phí không hợp lệ	1.852.685	123.511.435
Thu nhập chịu thuế TNDN	557.644.180	671.262.408
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	111.528.836	134.252.482
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.212.401	7.928.450
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(115.774.734)	(135.968.531)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	1.966.503	6.212.401

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Cao Bằng
K028, phố Kim Đồng, phường Hợp Giang
Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên quản lý chủ chốt	Bộ máy điều hành

Thu nhập của các Thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	780.721.664	983.760.526

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán ASCO kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra của Sở Tài

Cao Bằng, ngày 24 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu



Nguyễn Kim Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Phượng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASCO

A : Tòa nhà ASCO, Số 2 ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội
T : (024) 3 793 0960 - F: (024) 3 793 1349 - E: asco@asco.vn - W: www.asco.vn